

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (Công ty mẹ) và các Công ty con gọi chung là Tập đoàn đã được soát xét.

#### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tiền thân là Công ty TNHH Cơ Kim khí Sơn Hà, được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 070376 ngày 23 tháng 11 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 10 năm 2007 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cùng ngày.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã tám (08) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, trong đó lần đăng ký thay đổi thứ tám (08) ngày 12 tháng 4 năm 2013.

*Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:*

**267.107.230.000 VND**

| Cổ đông         | Vốn góp (VND)          | Tỷ lệ (%)   |
|-----------------|------------------------|-------------|
| Ông Lê Văn Ngà  | 25.680.000.000         | 9,61%       |
| Ông Lê Vĩnh Sơn | 61.267.020.000         | 22,94%      |
| Ông Lê Hoàng Hà | 48.150.000.000         | 18,03%      |
| Cổ đông khác    | 132.010.210.000        | 49,42%      |
| <b>Cộng</b>     | <b>267.107.230.000</b> | <b>100%</b> |

#### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp tập trung nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
Điện thoại : (04) 37 65 44 19  
Fax : (04) 37 65 80 84  
E-mail : sonhagroup@hn.vnn.vn  
Mã số thuế : 0100776445 - 1

#### Các đơn vị trực thuộc:

| Tên đơn vị                               | Địa chỉ                                                                                            |
|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà | Lô III3A, đường 1, Khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh |
| Chi nhánh Thanh Hóa                      | Số 50, đường Lê Đình Chinh, thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa                      |
| Chi nhánh Nghệ An                        | Số 381, khối Tâm Phú, phường Hòa Hiếu, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An                               |
| Chi nhánh Ninh Bình                      | Số 64, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình    |
| Chi nhánh Hải Dương                      | Thôn Tiên, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương                                      |
| Chi nhánh Xuân Mai                       | Thôn Yên Kiện, xã Đông Dương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội                                    |
| Chi nhánh Sóc Sơn                        | Thôn Xuân Sơn, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội                                       |
| Chi nhánh Thái Nguyên                    | Xóm 8, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên                                               |
| Chi nhánh Tuyên Quang                    | Thôn Hợp Hòa 2, xã Lưỡng Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang                            |
| Chi nhánh Phú Thọ                        | Khu 4, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ                                            |



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Giáo dục nghề nghiệp: Dạy nghề cơ khí, điện, điện tử, điện lạnh, ngoại ngữ, tin học (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép). Bán buôn phân bón;
- Kinh doanh các thiết bị nhà bếp;
- Khai thác về chế biến khoáng sản (Trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Khai thác, vận hành và các dịch vụ phục vụ tòa nhà, khu chung cư; công trình dân dụng, công nghiệp; các dịch vụ cho nhà ở và văn phòng làm việc;
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô; Đại lý giao nhận và đại lý vận tải hàng hóa;
- Luyện kim, đúc thép, cán kéo thép;
- Sản xuất và mua bán các loại thiết bị lọc nước;
- Sản xuất và mua bán ống thép các loại;
- Sản xuất và mua bán các sản phẩm năng lượng mới như: năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Khai thác, sản xuất, mua bán, chế biến sản phẩm đá tự nhiên, đá dung trong xây dựng;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, sơn xây dựng dân dụng, công nghiệp, bột bả trong xây dựng dân dụng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch, kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, khu du lịch, thể thao văn hóa (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Sản xuất và mua bán các sản phẩm được chế tạo từ vật liệu Composite;
- Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Sản xuất gỗ nội thất (bàn ghế, tủ, tủ bếp); Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất, gia công, lắp ráp và kinh doanh các sản phẩm điện, điện tử, đồ điện gia dụng;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng;
- Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật./.

#### Các Công ty con

| Tên công ty                                               | Địa chỉ trụ sở chính                                                         | Giấy phép thành lập                                                                                                | Tỷ lệ sở hữu |
|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn                            | 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh. | Số 0307526635 ngày 26 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các đăng ký thay đổi | 51%          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex | Số 8, đường Quang Trung, Phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội  | Số 0500563586 ngày 14 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp                               | 71,3%        |
| Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai      | Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam    | Số 4000900618 ngày 31 tháng 10 năm 2012                                                                            | 100%         |

#### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 53).



## **CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ**

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

#### **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

##### **Hội đồng quản trị**

| Họ và tên           | Chức vụ      |                                             |
|---------------------|--------------|---------------------------------------------|
| Ông Lê Vĩnh Sơn     | Chủ tịch     | Tái cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013    |
| Ông Lê Hoàng Hà     | Phó Chủ tịch | Tái cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013    |
| Ông Lê Văn Ngà      | Thành viên   | Tái cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013    |
| Ông Nguyễn Công Tạn | Thành viên   | Mãn nhiệm tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013 |
| Ông Lê Huy Côn      | Thành viên   | Tái cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013    |
| Ông Phùng Việt Điều | Thành viên   | Mãn nhiệm tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013 |
| Ông Nguyễn Đức Tài  | Thành viên   | Tái cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013    |
| Ông Đặng Minh Quang | Thành viên   | Tái cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013    |
| Ông Phan Thuế Ruệ   | Thành viên   | Trúng cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013  |
| Ông Vi Công Khanh   | Thành viên   | Trúng cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013  |

##### **Ban kiểm soát**

| Họ và tên             | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm                               |
|-----------------------|------------|---------------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Việt Hà | Trưởng ban | Trúng cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013  |
| Ông Nguyễn Huy Thường | Trưởng ban | Mãn nhiệm tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013 |
| Ông Nguyễn Văn Tâm    | Thành viên | Mãn nhiệm tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013 |
| Bà Trần Thị Thu Hằng  | Thành viên | Tái cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013    |
| Bà Nguyễn Thị Lý      | Thành viên | Trúng cử tại ĐHCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2013  |

##### **Ban Tổng Giám đốc**

| Họ và tên            | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm        |
|----------------------|-------------------|----------------------|
| Ông Lê Hoàng Hà      | Tổng Giám đốc     | 01 tháng 6 năm 2010  |
| Ông Đàm Quang Hùng   | Phó Tổng Giám đốc | 30 tháng 10 năm 2007 |
| Ông Nguyễn Văn Thuận | Phó Tổng Giám đốc | 30 tháng 10 năm 2007 |
| Ông Đặng Minh Quang  | Phó Tổng giám đốc | 01 tháng 6 năm 2010  |
| Bà Phạm Thị Thanh Hà | Phó Tổng giám đốc | 06 tháng 4 năm 2011  |
| Ông Phạm Phú Trường  | Phó Tổng giám đốc | 06 tháng 4 năm 2011  |
| Ông Đặng Quốc Huy    | Phó Tổng giám đốc | 04 tháng 5 năm 2012  |

##### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

##### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;



## **CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ**

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

#### **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Tổng Giám đốc**

**Lê Hoàng Hà**

Ngày 28 tháng 8 năm 2013.

002  
NH  
TY  
HUU  
TU  
C  
NỘI  
TP





**BAKER TILLY  
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 1-3 Song Day St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
www.a-c.com.vn

Số: 345/2013/BCTC-KTTV-KT3

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ**

**Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2013, từ trang 07 đến trang 53 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Giám đốc**



**Nguyễn Hoàng Đức**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2013.

**Kiểm toán viên**

**Lê Văn Khoa**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                             | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>1.017.530.213.810</b> | <b>1.056.121.343.898</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>36.672.613.494</b>    | <b>131.787.822.045</b>   |
| 1. Tiền                                             | 111        |             | 35.924.613.494           | 31.587.822.045           |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 748.000.000              | 100.200.000.000          |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>      | <b>120</b> |             | <b>53.023.461.422</b>    | <b>36.226.491.822</b>    |
| 1. Đầu tư ngắn hạn                                  | 121        | V.2         | 65.036.814.363           | 49.107.544.763           |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn                | 129        | V.3         | (12.013.352.941)         | (12.881.052.941)         |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>253.665.077.479</b>   | <b>375.036.465.588</b>   |
| 1. Phải thu khách hàng                              | 131        | V.4         | 224.854.936.719          | 308.649.788.657          |
| 2. Trả trước cho người bán                          | 132        | V.5         | 17.292.141.815           | 17.416.560.261           |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                        | -                        |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                        | -                        |
| 5. Các khoản phải thu khác                          | 135        | V.6         | 12.323.974.638           | 49.886.576.019           |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 139        | V.7         | (805.975.693)            | (916.459.349)            |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>521.625.800.767</b>   | <b>395.517.296.670</b>   |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.8         | 522.838.118.627          | 397.059.999.409          |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        | V.9         | (1.212.317.860)          | (1.542.702.739)          |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>152.543.260.648</b>   | <b>117.553.267.773</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.10        | 3.008.686.362            | 5.437.133.985            |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 28.134.582.080           | 35.108.249.606           |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 154        | V.11        | 46.324.841               | 122.439.889              |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 157        |             | -                        | -                        |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 158        | V.12        | 121.353.667.365          | 76.885.444.293           |



# CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| TÀI SẢN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               |
|-----------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |             | <b>555.619.902.918</b>   | <b>558.128.915.849</b>   |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>          | <b>210</b> |             | -                        | -                        |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng            | 211        |             | -                        | -                        |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc     | 212        |             | -                        | -                        |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ                    | 213        |             | -                        | -                        |
| 4. Phải thu dài hạn khác                      | 218        |             | -                        | -                        |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi          | 219        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                    | <b>220</b> |             | <b>444.359.390.550</b>   | <b>445.898.439.794</b>   |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                   | 221        | V.13        | 355.655.227.481          | 357.941.874.753          |
| Nguyên giá                                    | 222        |             | 519.669.693.330          | 503.855.564.258          |
| Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (164.014.465.849)        | (145.913.689.505)        |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính             | 224        | V.14        | 3.724.096.941            | 5.722.161.643            |
| Nguyên giá                                    | 225        |             | 5.405.058.417            | 8.350.827.544            |
| Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | (1.680.961.476)          | (2.628.665.901)          |
| 3. Tài sản cố định vô hình                    | 227        | V.15        | 48.496.259.082           | 48.407.783.774           |
| Nguyên giá                                    | 228        |             | 53.986.388.421           | 53.128.195.220           |
| Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (5.490.129.339)          | (4.720.411.446)          |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang            | 230        | V.16        | 36.483.807.046           | 33.826.619.624           |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>               | <b>240</b> |             | -                        | -                        |
| Nguyên giá                                    | 241        |             | -                        | -                        |
| Giá trị hao mòn lũy kế                        | 242        |             | -                        | -                        |
| <b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b> | <b>250</b> |             | <b>29.336.460.027</b>    | <b>30.000.844.663</b>    |
| 1. Đầu tư vào công ty con                     | 251        |             | -                        | 655.000.000              |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh    | 252        | V.17        | 25.126.460.027           | 25.135.844.663           |
| 3. Đầu tư dài hạn khác                        | 258        | V.18        | 4.210.000.000            | 4.210.000.000            |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259        |             | -                        | -                        |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                | <b>260</b> |             | <b>19.292.886.539</b>    | <b>15.798.849.481</b>    |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                  | 261        | V.19        | 15.423.448.099           | 15.259.697.910           |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại             | 262        | V.20        | 161.965.520              | 180.879.771              |
| 3. Tài sản dài hạn khác                       | 268        | V.21        | 3.707.472.920            | 358.271.800              |
| <b>VI. Lợi thế thương mại</b>                 | <b>269</b> | V.22        | <b>62.631.165.802</b>    | <b>66.430.781.911</b>    |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                      | <b>270</b> |             | <b>1.573.150.116.728</b> | <b>1.614.250.259.747</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm :

#### Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN                                           | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>1.143.119.074.060</b> | <b>1.186.851.044.020</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>958.262.879.755</b>   | <b>1.015.751.552.900</b> |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn                               | 311        | V.23        | 644.417.650.131          | 744.360.643.520          |
| 2. Phải trả người bán                               | 312        | V.24        | 291.663.110.352          | 237.713.326.142          |
| 3. Người mua trả tiền trước                         | 313        | V.25        | 1.252.128.147            | 1.627.464.662            |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 314        | V.26        | 9.735.496.043            | 12.389.242.244           |
| 5. Phải trả người lao động                          | 315        |             | 5.801.180.387            | 7.347.548.777            |
| 6. Chi phí phải trả                                 | 316        | V.27        | 3.034.515.756            | 8.305.685.087            |
| 7. Phải trả nội bộ                                  | 317        |             | -                        | -                        |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318        |             | -                        | -                        |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác       | 319        | V.28        | 1.664.635.308            | 3.544.214.573            |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 320        |             | -                        | -                        |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 323        | V.29        | 694.163.631              | 463.427.895              |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 327        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>184.856.194.305</b>   | <b>171.099.491.120</b>   |
| 1. Phải trả dài hạn người bán                       | 331        |             | 10.000.000               | 10.000.000               |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ                          | 332        |             | -                        | -                        |
| 3. Phải trả dài hạn khác                            | 333        | V.30        | 11.537.386.441           | 10.431.674.000           |
| 4. Vay và nợ dài hạn                                | 334        | V.31        | 140.882.117.509          | 127.840.407.311          |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                  | 335        |             | -                        | -                        |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm                    | 336        |             | -                        | -                        |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn                        | 337        |             | -                        | -                        |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện                         | 338        | V.32        | 32.426.690.355           | 32.817.409.809           |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ             | 339        |             | -                        | -                        |
| <b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                     | <b>400</b> |             | <b>370.877.172.434</b>   | <b>370.144.765.230</b>   |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                            | <b>410</b> | <b>V.33</b> | <b>370.877.172.434</b>   | <b>370.144.765.230</b>   |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                        | 411        |             | 267.107.230.000          | 267.107.230.000          |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                             | 412        |             | 69.047.988.652           | 69.047.988.652           |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu                          | 413        |             | -                        | -                        |
| 4. Cổ phiếu quỹ                                     | 414        |             | (9.484.460.000)          | (9.484.460.000)          |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                  | 415        |             | -                        | -                        |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                       | 416        |             | -                        | -                        |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển                            | 417        |             | 5.330.145.124            | 4.770.760.273            |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính                           | 418        |             | 3.504.149.839            | 2.385.380.137            |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                    | 419        |             | -                        | -                        |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối               | 420        |             | 35.372.118.819           | 36.317.866.168           |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                | 421        |             | -                        | -                        |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                 | 422        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>               | <b>430</b> |             | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
| 1. Nguồn kinh phí                                   | 432        |             | -                        | -                        |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định     | 433        |             | -                        | -                        |
| <b>C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>                 | <b>439</b> | <b>V.34</b> | <b>59.153.870.234</b>    | <b>57.254.450.497</b>    |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                          | <b>440</b> |             | <b>1.573.150.116.728</b> | <b>1.614.250.259.747</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

| CHỈ TIÊU                                       | Thuyết<br>minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------------------------------|----------------|------------|------------|
| 1. Tài sản thuê ngoài                          |                | -          | -          |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công |                | -          | -          |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược  |                | -          | -          |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý                         |                | -          | -          |
| 5. Ngoại tệ các loại:                          |                |            |            |
| Dollar Mỹ (USD)                                |                | 461.587,08 | 503.599,24 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án                |                | -          | -          |

Người lập biểu

Lê Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Như Dung

Lập ngày 28 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Hà



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                   |
|---------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------------------------|-------------------|
|                                                         |       |             | Năm nay                           | Năm trước         |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ               | 01    | VI.1        | 920.730.446.984                   | 1.006.179.293.221 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                         | 02    | VI.1        | 3.858.554.147                     | 1.852.411.449     |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ      | 10    |             | 916.871.892.837                   | 1.004.326.881.772 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                     | 11    | VI.2        | 793.890.188.950                   | 889.468.659.853   |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 20    |             | 122.981.703.887                   | 114.858.221.919   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                        | 21    | VI.3        | 9.058.109.288                     | 4.237.117.325     |
| 7. Chi phí tài chính                                    | 22    | VI.4        | 52.224.077.032                    | 62.747.427.134    |
| Trong đó: chi phí lãi vay                               | 23    |             | 46.849.107.183                    | 64.119.610.514    |
| 8. Chi phí bán hàng                                     | 24    | VI.5        | 45.564.418.362                    | 32.645.204.550    |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                         | 25    | VI.6        | 28.983.773.297                    | 21.664.239.705    |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh             | 30    |             | 5.267.544.484                     | 2.038.467.855     |
| 11. Thu nhập khác                                       | 31    | VI.7        | 88.665.966                        | 422.699.037       |
| 12. Chi phí khác                                        | 32    | VI.8        | 300.701.740                       | 245.167.639       |
| 13. Lợi nhuận khác                                      | 40    |             | (212.035.774)                     | 177.531.398       |
| 14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | 45    |             | (9.384.636)                       | (513.386.245)     |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                   | 50    |             | 5.046.124.074                     | 1.702.613.008     |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành        | 51    | V.25        | 2.218.013.646                     | 1.175.021.071     |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại         | 52    |             | 18.914.251                        | 253.140.277       |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp            | 60    |             | 2.809.196.177                     | 274.451.660       |
| 18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số             | 61    |             | 1.899.419.737                     | (112.241.608)     |
| 18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ       | 62    |             | 909.776.440                       | 386.693.268       |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                            | 70    | VI.9        | 35                                | 15                |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 28 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc

Lê Thị Thanh Huyền

Nguyễn Thị Như Dung

Lê Hoàng Hà



# CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                        | Mã Thuyết<br>số    minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                  |
|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------|------------------|
|                                                                                 |                         | Năm nay                           | Năm trước        |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |                         |                                   |                  |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                         | 01                      | 5.046.124.074                     | 1.702.613.008    |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                    |                         |                                   |                  |
| - Khấu hao tài sản cố định                                                      | 02                      | 21.052.922.255                    | 17.072.936.687   |
| - Các khoản dự phòng                                                            | 03                      | (1.308.568.535)                   | (6.838.667.214)  |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện                             | 04                      | 2.752.875.723                     | -                |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                   | 05                      | (5.800.962.164)                   | (1.212.832.275)  |
| - Chi phí lãi vay                                                               | 06    VI.4              | 46.849.107.183                    | 64.119.610.514   |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                | 08                      | 68.591.498.536                    | 74.843.660.720   |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                 | 09                      | 63.555.562.424                    | (4.917.425.189)  |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                       | 10                      | (125.778.119.218)                 | (39.788.901.217) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả                                                 | 11                      | 33.653.296.951                    | 23.592.838.461   |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                  | 12                      | 2.608.088.899                     | (12.130.507.776) |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                           | 13                      | (52.300.023.561)                  | (72.073.273.819) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                             | 14    V.26              | (4.044.049.002)                   | (2.543.726.631)  |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                         | 15                      | 3.841.339.018                     | 822.379.920      |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                        | 16                      | (6.606.448.042)                   | (3.555.155.000)  |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                                   | 20                      | (16.478.853.995)                  | (35.750.110.531) |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |                         |                                   |                  |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21                      | (18.696.487.532)                  | (23.589.938.439) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22                      | -                                 | 37.661.047       |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23                      | (78.500.000.000)                  | (4.159.646.922)  |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                 | 24                      | 58.000.000.000                    | 4.159.646.922    |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                     | 25                      | -                                 | (7.735.000.000)  |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                 | 26                      | 45.940.000.000                    | 7.500.000.000    |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27                      | 5.477.531.361                     | 428.000.000      |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                       | 30                      | 12.221.043.829                    | (23.359.277.392) |



# CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

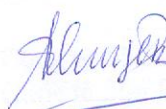
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ nộp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã Thuyết<br>số    minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------|-------------------|
|                                                                                            |                         | Năm nay                           | Năm trước         |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính                                                |                         |                                   |                   |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu                             | 31                      | -                                 | -                 |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32                      | -                                 | (2.156.691.000)   |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                                                    | 33                      | 795.338.103.651                   | 885.476.594.643   |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay                                                                 | 34                      | (885.466.793.436)                 | (854.993.234.487) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính                                                          | 35                      | (728.708.600)                     | -                 |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36                      | -                                 | -                 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                                               | 40                      | (90.857.398.385)                  | 28.326.669.156    |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ                                                             | 50                      | (95.115.208.551)                  | (30.782.718.767)  |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                                                           | 60    V.1               | 131.787.822.045                   | 59.926.054.161    |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61                      | -                                 | -                 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ                                                           | 70    V.1               | 36.672.613.494                    | 29.143.335.394    |

Người lập biểu

  
Lê Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Như Dung

Lập ngày 28 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc

  
  
Lê Hoàng Hà



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ** : Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa và bình năng lượng Thái Dương năng, ống công nghiệp, ống trang trí.
4. **Tổng số các Công ty con:** 03  
*Trong đó:*  
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03  
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0

### 5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

| <i>Tên công ty</i>                                        | <i>Địa chỉ trụ sở chính</i>                                                 | <i>Tỷ lệ lợi ích</i> | <i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i> |
|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn                            | 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh.      | 51%                  | 51%                           |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex | Số 8, đường Quang Trung, Phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | 71,3%                | 71,3%                         |
| Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà – Chu Lai      | Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam   | 100%                 | 100%                          |

### 6. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| <i>Tên công ty</i>                                 | <i>Địa chỉ trụ sở chính</i>                                                      | <i>Tỷ lệ phần lợi ích</i> | <i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i> |
|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng | B14-TT18 Khu đô thị mới Văn Quán, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | 30%                       | 30%                           |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà                  | Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội  | 48,41%                    | 48,41%                        |



## **CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

---

### **7. Nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Tập đoàn có 972 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 915 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (Công ty mẹ) và các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### 3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

### 4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là Công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

---

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### 6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 50       |
| Máy móc và thiết bị             | 03 - 12       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 07 - 10       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 07       |

#### 10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.9.

#### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao từ 42 đến 47 năm theo thời gian giao đất.

##### ***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### 13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### 14. Chi phí trả trước dài hạn

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### ***Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản***

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### ***Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, chi phí bảo hiểm tài sản***

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, chi phí bảo hiểm tài sản được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản và thời hạn bảo hiểm tài sản.



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### 15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### 16. Nguồn vốn kinh doanh

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty mẹ.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do các Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

#### 17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### 19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 30/06/2013 : 21.139 VND/USD

01/01/2013 : 20.810 VND/USD

#### 20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### 21. Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

---

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## 22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

*Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

*Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### **23. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **24. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **25. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                                                      | <u>Số cuối kỳ</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|----------------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt                                                             | 2.746.286.991                | 763.066.472                   |
| Tiền gửi ngân hàng                                                   | 32.595.710.503               | 30.824.755.573                |
| Tiền đang chuyển                                                     | 582.616.000                  | -                             |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống) | 748.000.000                  | 100.200.000.000               |
| <b>Cộng</b>                                                          | <b><u>36.672.613.494</u></b> | <b><u>131.787.822.045</u></b> |

(\*) Trong đó: Tiền gửi tại Tài khoản phong tỏa 5.000.000.000

##### 2. Đầu tư ngắn hạn

|                                                                                  | <u>Số cuối kỳ</u> |                              | <u>Số đầu năm</u> |                              |
|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------|-------------------|------------------------------|
|                                                                                  | <u>Số lượng</u>   | <u>Giá trị</u>               | <u>Số lượng</u>   | <u>Giá trị</u>               |
| Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn                                                         | 870.600           | 17.309.352.941               | 1.180.600         | 23.111.352.941               |
| HSG                                                                              | -                 | -                            | 100.000           | 1.980.000.000                |
| PET                                                                              | -                 | -                            | 210.000           | 3.822.000.000                |
| PVX                                                                              | 640.600           | 12.824.352.941               | 640.600           | 12.824.352.941               |
| VND                                                                              | 230.000           | 4.485.000.000                | 230.000           | 4.485.000.000                |
| Đầu tư ngắn hạn khác                                                             |                   | 47.727.461.422               |                   | 25.996.191.822               |
| Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam <sup>(i)</sup>                                    |                   | 5.912.046.922                |                   | 5.912.046.922                |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Kiến Hưng <sup>(ii)</sup>                          |                   | 21.315.414.500               |                   | 20.084.144.900               |
| Cho các đại lý vay tiền trong thời gian 10 tháng với lãi suất cố định là 14%/năm |                   | 20.500.000.000               |                   |                              |
| Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn                                                         |                   | <b><u>65.036.814.363</u></b> |                   | <b><u>49.107.544.763</u></b> |

(i) Là khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn số 02/2011/HĐVT ngày 02 tháng 01 năm 2012, theo đó Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà cho Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam vay số tiền là 15.000.000.000 VND trong vòng 01 năm, lãi suất bằng lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng TMCP Vietcombank.

Phụ lục số 01/2013/PLHĐVT Ngày 02 tháng 01 năm 2013, gia hạn thời hạn cho vay đến ngày 02 tháng 01 năm 2014.

Phụ lục số 02/2013/PLHĐVT ngày 01/03/2013 thay đổi lãi suất cho vay tính theo lãi suất ngắn hạn bình quân hiện tại mà Công ty đang vay tại các Ngân hàng.

Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty đã cho vay số tiền là 5.912.046.922 VND.

(ii) Là khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn số 21/2011/HĐVT ngày 06 tháng 01 năm 2011, theo đó Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà cho Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Kiến Hưng vay số tiền là 10.000.000.000 VND trong vòng 02 năm, lãi suất bằng lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân.

Công ty đã ký bổ sung các phụ lục của hợp đồng vay vốn số 21/2011/HĐVT ngày 06 tháng 01 năm 2011 về việc bổ sung số tiền cho vay và thay đổi thời hạn cho vay. Theo đó thời hạn cho vay mới là 01 năm tính từ ngày 25 tháng 12 năm 2012.



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn là dự phòng giảm giá các cổ phiếu, tình hình biến động như sau:

|                            | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                         |
|----------------------------|------------------------------------------|-------------------------|
|                            | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>        |
| Số đầu năm                 | (12.881.052.941)                         | (15.997.709.786)        |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (389.300.000)                            | -                       |
| Hoàn nhập dự phòng         | 1.257.000.000                            | 3.116.656.845           |
| <b>Số cuối kỳ</b>          | <b>(12.013.352.941)</b>                  | <b>(12.881.052.941)</b> |

#### 4. Phải thu khách hàng

|                           | <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>Số đầu năm</b>      |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
| Các Công ty, Doanh nghiệp | 178.445.913.320        | 282.498.575.857        |
| Các Đại lý, cá nhân khác  | 23.584.117.788         | 16.128.234.303         |
| Khách hàng nước ngoài     | 22.824.905.611         | 10.022.978.497         |
| <b>Cộng</b>               | <b>224.854.936.719</b> | <b>308.649.788.657</b> |

#### 5. Trả trước cho người bán

|                         | <b>Số cuối kỳ</b>     | <b>Số đầu năm</b>     |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nhà cung cấp trong nước | 16.574.876.264        | 16.803.868.661        |
| Nhà cung cấp nước ngoài | 717.265.551           | 612.691.600           |
| <b>Cộng</b>             | <b>17.292.141.815</b> | <b>17.416.560.261</b> |

#### 6. Các khoản phải thu khác

|                                                                                              | <b>Số cuối kỳ</b>     | <b>Số đầu năm</b>     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu các khoản cho vay không tính lãi                                                    | 5.100.000.000         | 1.000.000.000         |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Đầu tư Thịnh Phát (phải thu về thanh lý khoản đầu tư) | -                     | 45.940.000.000        |
| Phải thu tiền lãi cho vay                                                                    | 1.043.394.647         | 719.963.844           |
| Thuế GTGT của TSCĐ thuê tài chính                                                            | 79.729.312            | 118.052.870           |
| Tổng Công ty điện lực thành phố Hồ Chí Minh - tiền hỗ trợ lắp đặt Thái dương năng            | -                     | 30.000.000            |
| Thuế GTGT đầu vào chưa có hóa đơn của Công ty TNHH POSCO VST                                 | 2.913.695.267         | -                     |
| Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng tại nhà máy Phùng                                         | 2.419.200.000         | -                     |
| Các khoản phải thu khác                                                                      | 767.955.412           | 2.078.559.305         |
| <b>Cộng</b>                                                                                  | <b>12.323.974.638</b> | <b>49.886.576.019</b> |

#### 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

|                                                                      | <b>Số cuối kỳ</b> | <b>Số đầu năm</b> |
|----------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán                              | (717.928.892)     | (828.412.548)     |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm              | (143.575.342)     | (185.138.798)     |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm | (245.739.977)     | (314.143.577)     |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm | (128.613.573)     | (129.130.173)     |
| - Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên        | (200.000.000)     | (200.000.000)     |

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

|                                                                               | <u>Số cuối kỳ</u>    | <u>Số đầu năm</u>    |
|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán<br>nhưng khó có khả năng thu hồi | (88.046.801)         | (88.046.801)         |
| <b>Cộng</b>                                                                   | <b>(805.975.693)</b> | <b>(916.459.349)</b> |

#### 8. Hàng tồn kho

|                             | <u>Số cuối kỳ</u>      | <u>Số đầu năm</u>      |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|
| Hàng mua đang đi trên đường | 34.549.353.181         | 34.664.797.844         |
| Nguyên liệu, vật liệu       | 374.830.117.026        | 227.000.808.959        |
| Công cụ, dụng cụ            | 7.539.045.771          | 7.004.804.889          |
| Thành phẩm                  | 72.608.624.529         | 103.237.207.363        |
| Hàng hóa                    | 33.310.978.120         | 24.937.175.389         |
| Hàng gửi đi bán             | -                      | 215.204.965            |
| <b>Cộng</b>                 | <b>522.838.118.627</b> | <b>397.059.999.409</b> |

Hàng tồn kho có giá trị 42.427.000.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Thịnh Vượng – Chi nhánh Hàm Nghi.

#### 9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

|             | <u>Số cuối kỳ</u>      | <u>Số đầu năm</u>      |
|-------------|------------------------|------------------------|
| Thành phẩm  | (169.808.003)          | (188.748.850)          |
| Hàng hóa    | (1.042.509.857)        | (1.353.953.889)        |
| <b>Cộng</b> | <b>(1.212.317.860)</b> | <b>(1.542.702.739)</b> |

#### 10. Chi phí trả trước ngắn hạn

|                            | <u>Số cuối kỳ</u>    | <u>Số đầu năm</u>    |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí bảo hiểm           | 178.856.028          | 237.775.118          |
| Chi phí làm biển quảng cáo | 899.066.355          | 1.529.436.020        |
| Chi phí công cụ, dụng cụ   | 262.086.237          | 588.763.685          |
| Chi phí thuê nhà           | 620.952.719          | 501.506.831          |
| Chi phí sửa chữa tài sản   | 162.719.407          | -                    |
| Chi phí khác               | 885.005.616          | 2.579.652.331        |
| <b>Cộng</b>                | <b>3.008.686.362</b> | <b>5.437.133.985</b> |

#### 11. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

Là thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa

#### 12. Tài sản ngắn hạn khác

|                                            | <u>Số cuối kỳ</u>      | <u>Số đầu năm</u>     |
|--------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Tạm ứng                                    | 110.963.470.791        | 65.102.839.575        |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 9.793.108.832          | 11.126.198.377        |
| Tài sản thiếu chờ xử lý                    | 597.087.742            | 656.406.341           |
| <b>Cộng</b>                                | <b>121.353.667.365</b> | <b>76.885.444.293</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

|                                                                              | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc | Máy móc<br>và thiết bị | Phương tiện<br>vận tải, truyền dẫn | Thiết bị,<br>dụng cụ quản lý | Cộng                   |
|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                                                            |                           |                        |                                    |                              |                        |
| Số đầu năm                                                                   | 204.137.972.481           | 226.341.692.720        | 60.741.884.081                     | 12.634.014.976               | 503.855.564.258        |
| Tăng do mua sắm mới                                                          | 210.986.000               | 6.106.008.850          | 3.716.363.640                      | 505.429.800                  | 10.538.788.290         |
| Tăng do mua lại TSCĐ thuê tài chính                                          | -                         | 2.945.769.127          | -                                  | -                            | 2.945.769.127          |
| Tăng do đầu tư xây dựng hoàn thành                                           | 810.034.585               | 5.086.998.868          | -                                  | 760.662.016                  | 6.657.695.469          |
| Giảm do không đủ tiêu chuẩn ghi nhận<br>TSCĐ theo thông tư số 45/2013/TT-BTC | -                         | (2.461.594.484)        | (10.000.000)                       | (1.856.529.330)              | (4.328.123.814)        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                                                            | <b>205.158.993.066</b>    | <b>238.018.875.081</b> | <b>64.448.247.721</b>              | <b>12.043.577.462</b>        | <b>519.669.693.330</b> |
| <i>Trong đó:</i>                                                             |                           |                        |                                    |                              |                        |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng                                        | 138.272.367               | 26.761.061.570         | 1.297.717.639                      | 743.609.945                  | 28.940.661.521         |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                                                       |                           |                        |                                    |                              |                        |
| Số đầu năm                                                                   | 18.413.430.756            | 102.932.001.613        | 20.012.384.759                     | 4.555.872.377                | 145.913.689.505        |
| Tăng do khấu hao trong kỳ                                                    | 4.639.244.635             | 11.300.123.458         | 2.751.955.706                      | 1.214.072.590                | 19.905.396.389         |
| Tăng do mua lại TSCĐ thuê tài chính                                          | -                         | 1.285.993.630          | -                                  | -                            | 1.285.993.630          |
| Giảm do không đủ tiêu chuẩn ghi nhận<br>TSCĐ theo thông tư số 45/2013/TT-BTC | -                         | (1.705.585.362)        | (4.587.817)                        | (1.380.440.496)              | (3.090.613.675)        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                                                            | <b>23.052.675.391</b>     | <b>113.812.533.339</b> | <b>22.759.752.648</b>              | <b>4.389.504.471</b>         | <b>164.014.465.849</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                                                       |                           |                        |                                    |                              |                        |
| Số đầu năm                                                                   | 185.724.541.725           | 123.409.691.107        | 40.729.499.322                     | 8.078.142.599                | 357.941.874.753        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                                                            | <b>182.106.317.675</b>    | <b>124.206.341.742</b> | <b>41.688.495.073</b>              | <b>7.654.072.991</b>         | <b>355.655.227.481</b> |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 398.008.447.815 VND và 272.529.093.194 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Ngân hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 14. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

|                                     | <b>Máy móc<br/>và thiết bị</b> | <b>Phương tiện vận<br/>tải, truyền dẫn</b> | <b>Cộng</b>          |
|-------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------|----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                   |                                |                                            |                      |
| Số đầu năm                          | 6.293.514.270                  | 2.057.313.274                              | 8.350.827.544        |
| Tăng trong kỳ                       | -                              | -                                          | -                    |
| Giảm do mua lại TSCĐ thuê tài chính | (2.945.769.127)                | -                                          | (2.945.769.127)      |
| <b>Số cuối kỳ</b>                   | <b>3.347.745.143</b>           | <b>2.057.313.274</b>                       | <b>5.405.058.417</b> |
| <b>Giá trị hao mòn</b>              |                                |                                            |                      |
| Số đầu năm                          | 2.302.924.619                  | 325.741.282                                | 2.628.665.901        |
| Tăng do khấu hao trong kỳ           | 235.423.537                    | 102.865.668                                | 338.289.205          |
| Giảm do mua lại TSCĐ thuê tài chính | (1.285.993.630)                | -                                          | (1.285.993.630)      |
| <b>Số cuối kỳ</b>                   | <b>1.252.354.526</b>           | <b>428.606.950</b>                         | <b>1.680.961.476</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>              |                                |                                            |                      |
| Số đầu năm                          | 3.990.589.651                  | 1.731.571.992                              | 5.722.161.643        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                   | <b>2.095.390.617</b>           | <b>1.628.706.324</b>                       | <b>3.724.096.941</b> |

#### 15. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

|                                                                              | <b>Quyền sử<br/>dụng đất</b> | <b>Phần mềm<br/>máy vi tính</b> | <b>Cộng</b>           |
|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                                                            |                              |                                 |                       |
| Số đầu năm                                                                   | 47.917.209.435               | 5.210.985.785                   | 53.128.195.220        |
| Tăng do mua sắm trong kỳ                                                     | -                            | 906.590.937                     | 906.590.937           |
| Giảm do không đủ tiêu chuẩn ghi nhận<br>TSCĐ theo thông tư số 45/2013/TT-BTC | -                            | (48.397.736)                    | (48.397.736)          |
| <b>Số cuối kỳ</b>                                                            | <b>47.917.209.435</b>        | <b>6.069.178.986</b>            | <b>53.986.388.421</b> |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                                                       |                              |                                 |                       |
| Số đầu năm                                                                   | 2.968.821.655                | 1.751.589.791                   | 4.720.411.446         |
| Tăng do khấu hao trong kỳ                                                    | 425.264.436                  | 383.972.225                     | 809.236.661           |
| Giảm do không đủ tiêu chuẩn ghi nhận<br>TSCĐ theo thông tư số 45/2013/TT-BTC | -                            | (39.518.768)                    | (39.518.768)          |
| <b>Số cuối kỳ</b>                                                            | <b>3.394.086.091</b>         | <b>2.096.043.248</b>            | <b>5.490.129.339</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                                                       |                              |                                 |                       |
| Số đầu năm                                                                   | 44.948.387.780               | 3.459.395.994                   | 48.407.783.774        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                                                            | <b>44.523.123.344</b>        | <b>3.973.135.738</b>            | <b>48.496.259.082</b> |

- Quyền sử dụng 7.064,7 m<sup>2</sup> tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng.
- Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 13.029.773.018 VND và 10.072.835.013 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

|                                            | Số đầu năm            | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | Kết chuyển giảm khác | Số cuối kỳ            |
|--------------------------------------------|-----------------------|----------------------------|------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Mua sắm TSCĐ                               | 2.042.575.484         | 517.185.480                | -                            | (176.870.529)        | 2.382.890.435         |
| Xây dựng cơ bản dở dang                    | 31.784.044.140        | 13.366.277.601             | (10.552.788.246)             | (496.616.884)        | 34.100.916.611        |
| Quyền sử dụng đất Hóc Môn 2 <sup>(*)</sup> | 25.072.093.700        | -                          | -                            | -                    | 25.072.093.700        |
| Công trình xử lý nước thải                 | 760.662.016           | -                          | (760.662.016)                | -                    | -                     |
| Siêu thị Vinaconex Plaza                   | 5.918.469.716         | 3.010.998.046              | (810.034.585)                | (394.941.721)        | 7.724.491.456         |
| Công trình nhà máy Sơn Hà - Chu Lai        | -                     | 1.139.685.455              | -                            | -                    | 1.139.685.455         |
| Hệ thống sản xuất bột nhựa                 | 32.818.708            | 9.050.948.100              | (8.982.091.645)              | (101.675.163)        | -                     |
| Các công trình khác                        | -                     | 164.646.000                | -                            | -                    | 164.646.000           |
| <b>Cộng</b>                                | <b>33.826.619.624</b> | <b>13.883.463.081</b>      | <b>(10.552.788.246)</b>      | <b>(673.487.413)</b> | <b>36.483.807.046</b> |

(\*) Quyền sử dụng đất 5.786,5 m<sup>2</sup> tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

### 17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

| Tên công ty                                                       | Hoạt động chính         | Số cuối kỳ        |                       | Số đầu năm        |                       |
|-------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|
|                                                                   |                         | Tỷ lệ phần sở hữu | Giá trị               | Tỷ lệ phần sở hữu | Giá trị               |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng <sup>(i)</sup> | Kinh doanh bất động sản | 30%               | 15.000.000.000        | 30%               | 15.000.000.000        |
| Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà <sup>(ii)</sup>      | Sản xuất, thương mại    | 48,41%            | 10.126.460.027        | 48,41%            | 10.135.844.663        |
| <b>Cộng</b>                                                       |                         |                   | <b>25.126.460.027</b> |                   | <b>25.135.844.663</b> |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103003387 ngày 12 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng 15.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ: 15.000.000.000 VND trong đó, vốn đầu tư của Sơn Hà là 50% và vốn nhận ủy thác đầu tư là 50% (xem thêm thuyết minh V.30).

(ii) Công ty đã đầu tư 968.200 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà, tương đương 48,41% vốn điều lệ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

*Khoản đầu tư vào Công ty liên kết đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ như sau:*

|                                                    | Giá gốc của khoản đầu tư | Tăng, giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu | Giá trị khoản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 |
|----------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng | 15.000.000.000           | -                                                                           | 15.000.000.000                                    |
| Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà       | 9.682.000.000            | 444.460.027                                                                 | 10.126.460.027                                    |
| <b>Cộng</b>                                        | <b>24.682.000.000</b>    | <b>444.460.027</b>                                                          | <b>25.126.460.027</b>                             |

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ trên cơ sở các Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của các Công ty trên. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng phần lãi, lỗ trong công ty liên kết mà Công ty phải gánh chịu nếu Báo cáo tài chính được kiểm toán có thay đổi so với Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của các Công ty trên là không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

#### 18. Đầu tư dài hạn khác

|                                                | Số cuối kỳ           | Số đầu năm           |
|------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Đầu tư vào đơn vị khác                         | 4.210.000.000        | 4.210.000.000        |
| Công ty Bất động sản Havico <sup>(i)</sup>     | 2.710.000.000        | 2.710.000.000        |
| Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam <sup>(ii)</sup> | 1.500.000.000        | 1.500.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>4.210.000.000</b> | <b>4.210.000.000</b> |

(i) Là tiền đầu tư tại dự án Trung tâm thương mại, dịch vụ, khách sạn, văn phòng cao cấp và căn hộ cho thuê Habico.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105624598 ngày 10 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam 7.500.000.000 VND, tương đương 75% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ 7.500.000.000 VND. Tuy nhiên thực hiện Nghị quyết số 151011/2011/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 11 năm 2011 liên quan đến việc xem xét tính khả thi và lợi nhuận dự án mang lại để quyết định về thời hạn đầu tư, ngày 25 tháng 12 năm 2012 Hội đồng quản trị Công ty đã họp và quyết định chuyển nhượng 600.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam. Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1695/2012/HĐ-SHI ngày 26 tháng 11 năm 2012 với ông Lê Việt Quang. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 Công ty chỉ còn sở hữu 150.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam, tương đương với 15% vốn điều lệ.

#### 19. Chi phí trả trước dài hạn

|                                              | Số đầu năm            | Tăng trong kỳ        | Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ | Số cuối kỳ            |
|----------------------------------------------|-----------------------|----------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| Công cụ dụng cụ                              | 7.039.884.385         | 3.885.817.884        | (2.945.468.937)                      | 7.980.233.332         |
| Phí bảo hiểm tài sản                         | 148.334.086           | -                    | (134.424.108)                        | 13.909.978            |
| Chi phí sửa chữa tài sản                     | 120.647.552           | 267.852.991          | (56.419.646)                         | 332.080.897           |
| Chi phí thuê văn phòng                       | 294.957.234           | 200.000.000          | (306.247.557)                        | 188.709.677           |
| Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Vinaconex | 4.916.107.068         | -                    | (525.000.000)                        | 4.391.107.068         |
| Các chi phí khác                             | 2.739.767.585         | 1.285.077.288        | (1.507.437.726)                      | 2.517.407.147         |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>15.259.697.910</b> | <b>5.638.748.163</b> | <b>(5.474.997.974)</b>               | <b>15.423.448.099</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

|                   | <b>Kỳ này</b>      |
|-------------------|--------------------|
| Số đầu năm        | 180.879.771        |
| Tăng trong kỳ     | -                  |
| Số hoàn nhập      | (18.914.251)       |
| <b>Số cuối kỳ</b> | <b>161.965.520</b> |

#### 21. Tài sản dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

#### 22. Lợi thế thương mại

Là khoản lợi thế thương mại phát sinh khi mua lại Công ty con. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

|                                            | <b>Kỳ này</b>         |
|--------------------------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                                 | 66.430.781.911        |
| Số phát sinh trong kỳ                      | -                     |
| Số phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ | (3.799.616.109)       |
| <b>Số cuối kỳ</b>                          | <b>62.631.165.802</b> |

#### 23. Vay và nợ ngắn hạn

|                                                                     | <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>Số đầu năm</b>      |
|---------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>                                       | <b>626.773.568.671</b> | <b>656.874.779.902</b> |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam                                   | 96.814.903.646         | 89.260.551.214         |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam                                | 10.700.480.365         | 13.846.467.100         |
| Ngân hàng TMCP Hàng hải                                             | 89.400.473.313         | 74.541.917.046         |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân | 79.880.882.754         | 65.242.356.316         |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương        | 175.261.932.087        | 202.851.888.718        |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây          | 78.218.150.267         | 115.940.182.559        |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình                         | 75.522.438.500         | 63.900.365.026         |
| Ngân hàng TMCP Nam Việt - Chi nhánh Hà Nội                          | -                      | 13.000.000.000         |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng            | 12.024.307.739         | 18.291.051.923         |
| Ngân hàng thương mại cổ phần Thịnh Vượng - Chi nhánh Hàm Nghi       | 8.950.000.000          |                        |
| <b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>                                      | <b>17.246.565.246</b>  | <b>36.359.638.804</b>  |
| <b>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</b>                                | <b>397.516.214</b>     | <b>1.126.224.814</b>   |
| <b>Trái phiếu phát hành đến hạn trả</b>                             | <b>-</b>               | <b>50.000.000.000</b>  |
| <b>Cộng</b>                                                         | <b>644.417.650.131</b> | <b>744.360.643.520</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

|                                   | <b>Vay ngắn hạn<br/>ngân hàng</b> | <b>Vay dài hạn<br/>đến hạn trả</b> | <b>Nợ thuê tài<br/>chính đến<br/>hạn trả</b> | <b>Trái phiếu<br/>phát hành đến<br/>hạn trả</b> | <b>Cộng</b>            |
|-----------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm                        | 656.874.779.902                   | 36.359.638.804                     | 1.126.224.814                                | 50.000.000.000                                  | 744.360.643.520        |
| Số tiền vay phát<br>sinh trong kỳ | 775.488.491.817                   | -                                  | -                                            | -                                               | 775.488.491.817        |
| Số kết chuyển                     | -                                 | 477.187.500                        | -                                            | -                                               | 477.187.500            |
| Lỗi chênh lệch<br>tỷ giá          | 3.811.009.174                     | 39.208.322                         | -                                            | -                                               | 3.850.217.496          |
| Số tiền vay đã<br>trả trong kỳ    | (809.400.712.222)                 | (19.629.469.380)                   | (728.708.600)                                | (50.000.000.000)                                | (879.758.890.202)      |
| <b>Số cuối kỳ</b>                 | <b>626.773.568.671</b>            | <b>17.246.565.246</b>              | <b>397.516.214</b>                           | <b>-</b>                                        | <b>644.417.650.131</b> |

**24. Phải trả người bán**

|                               | <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>Số đầu năm</b>      |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải trả người bán trong nước | 97.474.452.891         | 137.048.637.911        |
| Phải trả người bán nước ngoài | 194.188.657.461        | 100.664.688.231        |
| <b>Cộng</b>                   | <b>291.663.110.352</b> | <b>237.713.326.142</b> |

**25. Người mua trả tiền trước**

|                           | <b>Số cuối kỳ</b>    | <b>Số đầu năm</b>    |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Các Công ty, Doanh nghiệp | 908.578.663          | 674.802.478          |
| Các Đại lý, cá nhân khác  | 182.534.989          | 182.781.963          |
| Khách hàng nước ngoài     | 161.014.495          | 769.880.221          |
| <b>Cộng</b>               | <b>1.252.128.147</b> | <b>1.627.464.662</b> |

**26. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                             | <b>Số đầu năm</b>     | <b>Số phải nộp<br/>trong kỳ</b> | <b>Số đã nộp<br/>trong kỳ</b> | <b>Số cuối kỳ</b>    |
|-----------------------------|-----------------------|---------------------------------|-------------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa  | 8.441.989             | 1.355.646.405                   | 1.279.261.364                 | 84.827.030           |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu    | 4.070.499.596         | 42.954.264.726                  | 42.659.752.176                | 4.365.012.146        |
| Thuế xuất, nhập khẩu        | 64.794.066            | 487.162.897                     | 551.075.939                   | 881.024              |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp  | 2.426.915.265         | 2.218.013.647                   | 4.044.049.002                 | 600.879.910          |
| Thuế thu nhập cá nhân       | 114.794.378           | 719.740.012                     | 726.265.514                   | 108.268.876          |
| Thuế nhà đất, Tiền thuê đất | 5.575.357.061         | (251.312.205)                   | 794.742.640                   | 4.529.302.216        |
| Các loại thuế khác          | 6.000.000             | 13.000.000                      | 19.000.000                    | -                    |
| <b>Cộng</b>                 | <b>12.266.802.355</b> | <b>47.496.515.482</b>           | <b>50.074.146.635</b>         | <b>9.689.171.202</b> |

| <i>Trong đó:</i>                    | <b>Số cuối kỳ</b>    | <b>Số đầu năm</b>     |
|-------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 9.735.496.043        | 12.389.242.244        |
| Thuế và các khoản phải thu nhà nước | (46.324.841)         | (122.439.889)         |
| <b>Cộng</b>                         | <b>9.689.171.202</b> | <b>12.266.802.355</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty mẹ và các công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

|                     |     |
|---------------------|-----|
| Hàng hóa xuất khẩu  | 0%  |
| Hàng hóa trong nước | 10% |

#### **Thuế xuất, nhập khẩu**

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

|                                                                                                          | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------|
|                                                                                                          | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>     |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                                        | 5.046.124.074                            | 1.702.613.008        |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                                          |                      |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                                                                              | 3.950.237.093                            | 9.374.977.064        |
| Lỗ của các chi nhánh                                                                                     | 108.495.465                              | -                    |
| Lỗ của các Công ty Con                                                                                   | 11.651.060                               | 4.992.088.962        |
| Lỗ trong Công ty liên kết                                                                                | -                                        | 3.824.616.109        |
| Lợi thế thương mại                                                                                       | 3.830.090.568                            | 513.386.245          |
| Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ                                                     | -                                        | 44.885.748           |
| - Các khoản điều chỉnh giảm                                                                              | (432.746.827)                            | (6.377.505.786)      |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                                                                              | (336.000.000)                            | (428.000.000)        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản phải trả ngắn hạn năm trước                           | -                                        | (1.086.824.841)      |
| Trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty Con                                                                | -                                        | (3.783.504.224)      |
| Trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty liên kết                                                           | -                                        | (65.083.352)         |
| Lãi trong Công ty liên kết                                                                               | (21.089.823)                             | -                    |
| Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ năm trước đã thực hiện trong năm nay                | (75.657.004)                             | (1.014.093.369)      |
| <b>Thu nhập chịu thuế</b>                                                                                | <b>8.563.614.340</b>                     | <b>4.700.084.286</b> |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                     | 25%                                      | 25%                  |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>                                                       | <b>2.140.903.586</b>                     | <b>1.175.021.071</b> |
| <b>Điều chỉnh tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước</b>                              | <b>77.110.061</b>                        | -                    |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>                                                               | <b>2.218.013.647</b>                     | <b>1.175.021.071</b> |

#### **Tiền thuê đất**

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất theo 2 hợp đồng: Hợp đồng thuê đất số 98-2005/TNMTND-HĐĐTĐTN ngày 07 tháng 7 năm 2005 diện tích 8.793 m<sup>2</sup> đất tại lô CN1 cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội với mức 106.313 VND/m<sup>2</sup>, và hợp đồng thuê đất số 06 HD/TĐ ngày 14 tháng 1 năm 2008 diện tích 44.800 m<sup>2</sup> tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng - huyện Đan Phượng - thành phố Hà Nội với mức 87.789 VND/m<sup>2</sup>.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### *Các loại thuế khác*

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

#### **27. Chi phí phải trả**

|                          | <b>Số cuối kỳ</b>    | <b>Số đầu năm</b>    |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 1.411.868.177        | 6.862.784.555        |
| Chi phí bảo hành         | 1.008.403            | 55.275.820           |
| Chi phí khác             | 1.621.639.176        | 1.387.624.712        |
| <b>Cộng</b>              | <b>3.034.515.756</b> | <b>8.305.685.087</b> |

#### **28. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

|                                                      | <b>Số cuối kỳ</b>    | <b>Số đầu năm</b>    |
|------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tài sản thừa chờ xử lý                               | 685.888              | 685.888              |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 322.273.730          | 169.092.277          |
| Kinh phí công đoàn                                   | 944.157.465          | 612.378.625          |
| Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn                         | -                    | 1.379.556.058        |
| Thù lao hội đồng quản trị                            | -                    | 906.838.356          |
| Phải trả, phải nộp khác                              | 397.518.225          | 475.663.369          |
| <b>Cộng</b>                                          | <b>1.664.635.308</b> | <b>3.544.214.573</b> |

#### **29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                                                         | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                    |
|---------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------|
|                                                         | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>   |
| Số đầu năm                                              | 463.427.895                              | 4.698.701.374      |
| Trích lập từ lợi nhuận                                  | 177.369.236                              | 144.911.294        |
| Tăng khác                                               | 110.296.500                              | 38.914.000         |
| Chi quỹ trong kỳ                                        | (56.930.000)                             | (7.000.000)        |
| Thưởng cho Ban điều hành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2011 | -                                        | (2.649.000.000)    |
| Hoàn nhập số đã tạm trích từ năm trước                  | -                                        | (1.904.079.758)    |
| <b>Số cuối kỳ</b>                                       | <b>694.163.631</b>                       | <b>322.446.910</b> |

#### **30. Phải trả dài hạn khác**

|                                           | <b>Số cuối kỳ</b>     | <b>Số đầu năm</b>     |
|-------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn              | 2.237.386.441         | 1.131.674.000         |
| Nhận ủy thác đầu tư vào công ty Kiến Hưng | 7.500.000.000         | 9.300.000.000         |
| Phải trả dài hạn khác                     | 1.800.000.000         | -                     |
| <b>Cộng</b>                               | <b>11.537.386.441</b> | <b>10.431.674.000</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 31. Vay và nợ dài hạn

|                                                                                               | <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>Số đầu năm</b>      |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Vay dài hạn ngân hàng</b>                                                                  | <b>139.671.690.509</b> | <b>127.179.980.311</b> |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam <sup>(i)</sup>                                              | 725.600.000            | 725.600.000            |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch <sup>(ii)</sup>                           | 7.950.816.489          | 7.880.666.615          |
| Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây <sup>(iii)</sup>              | 111.663.579.695        | 103.663.579.695        |
| Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam <sup>(iv)</sup>                                              | 2.296.879.184          | 2.261.131.360          |
| Ngân Hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình <sup>(v)</sup>                                    | 2.385.812.500          | 318.000.000            |
| Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Chợ Lớn <sup>(vi)</sup>                   | 1.761.592.641          | 1.761.592.641          |
| Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(vii)</sup> | 69.410.000             | 69.410.000             |
| Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng <sup>(viii)</sup>      | 12.818.000.000         | 10.500.000.000         |
| <b>Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác</b>                                                | <b>550.000.000</b>     | <b>-</b>               |
| Quỹ bảo vệ môi trường Hà Nội                                                                  | 550.000.000            |                        |
| CTCP Quốc tế Sơn Hà                                                                           | -                      |                        |
| <b>Nợ thuê tài chính</b>                                                                      | <b>660.427.000</b>     | <b>660.427.000</b>     |
| Công ty cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam                              | 660.427.000            | 660.427.000            |
| <b>Cộng</b>                                                                                   | <b>140.882.117.509</b> | <b>127.840.407.311</b> |

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo 3 hợp đồng tín dụng: Hợp đồng số 5897/HĐTD/TH-PN/TCB-HKM ngày 17/09/2009, Hợp đồng số 6028/HĐTD/TH-PN/TCB-HKM ngày 16/10/2009 và Hợp đồng tín dụng số 7065/HĐTD/SME-DN/TCB-HKM ngày 14/12/2010 để mua máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyển. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD-2010/SONHA-VCB để đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ máy móc thiết bị đầu tư.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây theo các hợp đồng:  
Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTDTH ngày 22 tháng 6 năm 2012, số tiền vay là 79.800.000.000 VND với mục đích là cơ cấu tài chính để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 54 tháng, ân hạn gốc vay tối đa đến ngày 25 tháng 3 năm 2013, lãi suất theo quy định về lãi suất tại thời điểm giải ngân. Lãi vay được trả theo kỳ hạn vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 4.547.647 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, thế chấp và bảo lãnh tài sản là quyền sở hữu tòa nhà và quyền khai thác toàn bộ tài sản trên đất tại Trung tâm Thương mại Hà Đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex cùng toàn bộ số dư tiền gửi của bên vay tại các TCTD khác.

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2012/HĐTDTH ngày 01 tháng 5 năm 2012, số tiền vay là 58.000.000.000 VND với mục đích cải tạo, nâng cấp Trung tâm thương mại Hà Đông, thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn trả nợ gốc tối đa 12 tháng, lãi suất 16,5% và được điều chỉnh hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng lợi thế thương mại



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

quyền sử dụng đất và giá trị toàn nhà Trung tâm thương mại Hà Đông; các máy móc thiết bị, tài sản cố định được đầu tư cho hoạt động kinh doanh siêu thị bán lẻ, kinh doanh cho thuê thương mại của Bên thể chấp tại trung tâm thương mại Hà Đông theo dự án “cải tạo, nâng cấp trung tâm thương mại Hà Đông; toàn bộ các chi phí khác để hình thành nên toàn nhà Trung tâm thương mại Hà Đông và để hoạt động kinh doanh siêu thị, kinh doanh cho thuê thương mại. Tổng giá trị tài sản được định giá là 240.200.000.000 VND.

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 96/2012/HĐCV ngày 05 tháng 10 năm 2012, số tiền vay là 162.988 USD với mục đích thanh toán tiền nhập khẩu máy móc thiết bị theo hợp đồng ngoại số VEPL-SHI/2012-049 ngày 20 tháng 7 năm 2012 giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và Công ty TNHH Vinodrai Engineers, PVt, Ấn Độ, thời hạn vay 36 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Mỹ Đình theo Hợp đồng tín dụng số 559.12.011.588663.TD ngày 04 tháng 12 năm 2012, số tiền vay là 2.545.000.000 VND với mục đích thanh toán tiền mua 08 xe ô tô ISUZU dạng cabin classic, tải trọng 1,9 tấn, thời hạn vay 48 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng 08 xe ô tô ISUZU dạng cabin classic, tải trọng 1,9 tấn.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Chợ Lớn để thanh toán tiền mua xe. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hình thành từ vốn vay.
- (vii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán tiền mua xe. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (viii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng để hoàn vốn chủ sở hữu cho Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn của dự án “Đầu tư xây dựng nhà xưởng tại 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh”, với lãi suất được quy định trong từng khế ước. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh, và các công trình nhà văn phòng, nhà xưởng gắn liền với đất.

#### Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

|                                         | <b>Tổng nợ</b>         | <b>Từ 1 năm trở xuống</b> | <b>Trên 1 năm đến 5 năm</b> | <b>Trên 5 năm</b> |
|-----------------------------------------|------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng                   | 156.918.255.755        | 17.246.565.246            | 139.671.690.509             | -                 |
| Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác | 550.000.000            | -                         | 550.000.000                 | -                 |
| Thuê tài chính                          | 1.057.943.214          | 397.516.214               | 660.427.000                 | -                 |
| <b>Cộng</b>                             | <b>158.526.198.969</b> | <b>17.644.081.460</b>     | <b>140.882.117.509</b>      | <b>-</b>          |

#### Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

|                                | <b>Vay dài hạn ngân hàng</b> | <b>Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác</b> | <b>Thuê tài chính</b> | <b>Cộng</b>            |
|--------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Số đầu năm                     | 127.179.980.311              | -                                              | 660.427.000           | 127.840.407.311        |
| Số tiền vay phát sinh trong kỳ | 13.987.000.000               | 5.862.611.834                                  | -                     | 19.849.611.834         |
| Số tiền vay đã trả trong kỳ    | (1.124.000.000)              | (5.312.611.834)                                | -                     | (6.436.611.834)        |
| Số kết chuyển                  | (477.187.500)                | -                                              | -                     | (477.187.500)          |
| Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ      | 105.897.698                  | -                                              | -                     | 105.897.698            |
| <b>Số cuối kỳ</b>              | <b>139.671.690.509</b>       | <b>550.000.000</b>                             | <b>660.427.000</b>    | <b>140.882.117.509</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 32. Doanh thu chưa thực hiện

|                                                                                                                                                          | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex trả trước tiền thuê tầng 6 tòa nhà số 8 Quang Trung (từ 01/01/2012 đến 31/12/2054)                      | 25.532.858.498        | 25.840.519.733        |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây trả trước tiền thuê 120 m2 tại tầng 1 tòa nhà số 8 Quang Trung (từ 01/01/2012 đến 31/12/2054) | 6.893.831.857         | 6.976.890.076         |
| <b>Cộng</b>                                                                                                                                              | <b>32.426.690.355</b> | <b>32.817.409.809</b> |

#### 33. Vốn chủ sở hữu

##### *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

|                                   | <u>Số dư đầu năm nay</u> | <u>Lợi nhuận trong kỳ này</u> | <u>Trích lập các quỹ trong kỳ này</u> | <u>Số dư cuối kỳ này</u> |
|-----------------------------------|--------------------------|-------------------------------|---------------------------------------|--------------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu         | 267.107.230.000          | -                             | -                                     | 267.107.230.000          |
| Thặng dư vốn cổ phần              | 69.047.988.652           | -                             | -                                     | 69.047.988.652           |
| Cổ phiếu quỹ                      | (9.484.460.000)          | -                             | -                                     | (9.484.460.000)          |
| Quỹ đầu tư phát triển             | 4.770.760.273            | -                             | 559.384.851                           | 5.330.145.124            |
| Quỹ dự phòng tài chính            | 2.385.380.137            | -                             | 1.118.769.702                         | 3.504.149.839            |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 36.317.866.168           | 909.776.440                   | (1.855.523.789)                       | 35.372.118.819           |
| <b>Cộng</b>                       | <b>370.144.765.230</b>   | <b>909.776.440</b>            | <b>(177.369.236)</b>                  | <b>370.877.172.434</b>   |

*Tình hình góp vốn điều lệ tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013 như sau:*

|                 | <u>Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh</u> | <u>Vốn đã góp của chủ đầu tư</u> |
|-----------------|-------------------------------------------------|----------------------------------|
| Ông Lê Văn Ngà  | 25.680.000.000                                  | 25.680.000.000                   |
| Ông Lê Vĩnh Sơn | 61.267.020.000                                  | 62.067.020.000                   |
| Ông Lê Hoàng Hà | 48.150.000.000                                  | 48.950.000.000                   |
| Cổ đông khác    | 132.010.210.000                                 | 130.410.210.000                  |
| <b>Cộng</b>     | <b>267.107.230.000</b>                          | <b>267.107.230.000</b>           |

##### *Cổ phiếu*

|                                           | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành       | 26.710.723        | 26.710.723        |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành  | 26.710.723        | 26.710.723        |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại  | 716.060           | 716.060           |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 25.994.663        | 25.994.663        |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 34. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

|                                         | <u>Kỳ này</u>                |
|-----------------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm                              | 57.254.450.497               |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 1.899.419.737                |
| Giảm trong kỳ                           | -                            |
| <b>Số cuối kỳ</b>                       | <b><u>59.153.870.234</u></b> |

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu

|                                    | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> |                                 |
|------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------|
|                                    | <u>Năm nay</u>                           | <u>Năm trước</u>                |
| Tổng doanh thu                     | 920.730.446.984                          | 1.006.179.293.221               |
| - Doanh thu bán hàng hóa           | 132.436.663.868                          | 100.653.365.082                 |
| - Doanh thu bán thành phẩm         | 764.193.186.742                          | 900.791.952.378                 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ       | 24.100.596.374                           | 4.733.975.761                   |
| Các khoản giảm trừ doanh thu:      | 3.858.554.147                            | 1.852.411.449                   |
| - Chiết khấu thương mại            | 3.209.910.609                            | 326.550.227                     |
| - Giảm giá hàng bán                | 549.210.173                              | 453.350.499                     |
| - Hàng bán bị trả lại              | 99.433.365                               | 1.072.510.723                   |
| <b>Doanh thu thuần</b>             | <b><u>916.871.892.837</u></b>            | <b><u>1.004.326.881.772</u></b> |
| Trong đó:                          |                                          |                                 |
| - Doanh thu thuần bán hàng hóa     | 130.837.682.265                          | 98.800.953.633                  |
| - Doanh thu thuần bán thành phẩm   | 761.933.614.198                          | 900.791.952.378                 |
| - Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ | 24.100.596.374                           | 4.733.975.761                   |

### 2. Giá vốn hàng bán

|                                                   | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> |                               |
|---------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------|
|                                                   | <u>Năm nay</u>                           | <u>Năm trước</u>              |
| Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp                  | 102.464.455.749                          | 83.388.488.714                |
| Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp <sup>(*)</sup> | 677.649.704.277                          | 801.745.900.251               |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp                   | 13.776.028.924                           | 4.377.218.907                 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                    | -                                        | (42.948.019)                  |
| <b>Cộng</b>                                       | <b><u>793.890.188.950</u></b>            | <b><u>889.468.659.853</u></b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

(\*) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong kỳ như sau:

|                                                | <b>Kỳ này</b>          |
|------------------------------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp              | 594.647.730.308        |
| Chi nhân công trực tiếp                        | 8.247.143.416          |
| Chi phí sản xuất chung                         | 44.126.247.719         |
| Tổng chi phí sản xuất                          | 647.021.121.443        |
| Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | -                      |
| Tổng giá thành sản xuất                        | 647.021.121.443        |
| Chênh lệch tồn kho thành phẩm                  | 30.628.582.834         |
| <b>Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp</b>      | <b>677.649.704.277</b> |

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

|                                        | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                      |
|----------------------------------------|------------------------------------------|----------------------|
|                                        | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>     |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay             | 5.464.962.164                            | 1.644.171.190        |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia            | 336.000.000                              | 428.000.000          |
| Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn | 428.799.124                              | -                    |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện     | 2.828.348.000                            | 2.164.946.135        |
| <b>Cộng</b>                            | <b>9.058.109.288</b>                     | <b>4.237.117.325</b> |

### 4. Chi phí tài chính

|                                                      | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                       |
|------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------|
|                                                      | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>      |
| Chi phí lãi vay                                      | 46.849.107.183                           | 64.119.610.514        |
| Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn                | -                                        | 1.849.809.845         |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện                    | 3.193.742.270                            | 1.752.984.177         |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện                  | 2.752.875.723                            | -                     |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn | (867.700.000)                            | (5.703.116.845)       |
| Chi phí tài chính khác                               | 296.051.856                              | 728.139.443           |
| <b>Cộng</b>                                          | <b>52.224.077.032</b>                    | <b>62.747.427.134</b> |

### 5. Chi phí bán hàng

|                           | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                       |
|---------------------------|------------------------------------------|-----------------------|
|                           | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>      |
| Chi phí nhân viên         | 12.364.039.461                           | 7.849.782.618         |
| Chi phí vật liệu, bao bì  | 977.249.642                              | 704.739.209           |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng  | 1.637.363.425                            | 2.084.704.738         |
| Chi phí khấu hao TSCĐ     | 1.689.403.534                            | 1.272.683.457         |
| Chi phí bảo hành          | 107.731.312                              | 16.575.034            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.543.094.217                            | 15.721.532.084        |
| Chi phí bằng tiền khác    | 21.245.536.771                           | 4.995.187.410         |
| <b>Cộng</b>               | <b>45.564.418.362</b>                    | <b>32.645.204.550</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                           | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|---------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                           | Năm nay                           | Năm trước             |
| Chi phí nhân viên quản lý | 11.706.972.001                    | 8.340.359.960         |
| Chi phí vật liệu quản lý  | 385.974.692                       | 185.075.790           |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 1.589.551.947                     | 887.357.024           |
| Chi phí khấu hao TSCĐ     | 3.071.070.010                     | 2.645.949.238         |
| Thuế, phí và lệ phí       | 1.014.127.957                     | 271.664.291           |
| Chi phí dự phòng          | -                                 | (1.092.602.350)       |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.841.855.045                     | 3.537.916.621         |
| Chi phí bằng tiền khác    | 8.374.221.645                     | 6.888.519.131         |
| <b>Cộng</b>               | <b>28.983.773.297</b>             | <b>21.664.239.705</b> |

#### 7. Thu nhập khác

|                                       | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                    |
|---------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
|                                       | Năm nay                           | Năm trước          |
| Thu tiền bán thanh lý tài sản cố định | -                                 | 37.661.047         |
| Thu tiền bán thanh lý công cụ dụng cụ | -                                 | 32.257.135         |
| Tiền phạt vi phạm hợp đồng            | 7.304.500                         | 85.952.410         |
| Tiền phạt do làm mất tài sản          | -                                 | 39.139.405         |
| Thu nhập khác                         | 81.361.466                        | 227.689.040        |
| <b>Cộng</b>                           | <b>88.665.966</b>                 | <b>422.699.037</b> |

#### 8. Chi phí khác

|                                                  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                    |
|--------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
|                                                  | Năm nay                           | Năm trước          |
| Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý         | -                                 | 38.192.526         |
| Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất bán     | -                                 | 14.031.623         |
| Phạt vi phạm chính sách thuế, vi phạm hành chính | 177.260.735                       | -                  |
| Giá trị còn lại của tài sản bị mất               | -                                 | 39.139.405         |
| Xử lý công nợ                                    | 158.259                           | 21.229.290         |
| Chi phí khác                                     | 123.282.746                       | 132.574.795        |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>300.701.740</b>                | <b>245.167.639</b> |

#### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

|                                                                                                                        | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |             |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------|
|                                                                                                                        | Năm nay                           | Năm trước   |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                       | 909.776.440                       | 386.693.268 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: |                                   |             |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông                                                                | 909.776.440                       | 386.693.268 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ                                                                    | 25.994.663                        | 25.754.135  |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                                                                        | <b>35</b>                         | <b>15</b>   |

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

|                                                            | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                   |
|------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------|
|                                                            | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>  |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm                   | 25.994.663                               | 26.151.493        |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại                   | -                                        | (397.358)         |
| <b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b> | <b>25.994.663</b>                        | <b>25.754.135</b> |

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Công ty đã hạch toán nhập gốc lãi cho Công ty Cổ phần Đầu tư đô thị Kiến Hưng vay, số tiền 1.231.269.600 VND.

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Nợ tiềm tàng

Ngày 16 tháng 5 năm 2013, một nhóm các nhà sản xuất nội địa của Mỹ đã khởi kiện Công ty liên quan đến việc bán phá giá đối với mặt hàng Ống thép hàn chịu lực không gỉ.

Ngày 29 tháng 5 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng dịch vụ về điều tra chống bán phá giá đối với mặt hàng ống thép hàn chịu lực không gỉ có nguồn gốc xuất xứ Việt Nam với Công ty luật Grunfeld, Desiderio, Lebowitz, Silverman & Klestadt Llp. Theo đó Công ty sẽ phát sinh một khoản phí dịch vụ phải trả cho hợp đồng này.

### 2. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

|                                | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                  |
|--------------------------------|------------------------------------------|------------------|
|                                | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b> |
| <b>Hội đồng quản trị</b>       |                                          |                  |
| Tạm ứng đầu tư dự án           | 57.548.327.000                           | 101.486.700.000  |
| Thanh toán tạm ứng             | 10.538.327.000                           | 100.800.000.000  |
| Ủy thác đầu tư                 |                                          | 75.000.000       |
| Cho Công ty vay vốn kinh doanh |                                          | 30.000.000.000   |
| Công ty trả gốc tiền vay       |                                          | 30.000.000.000   |
| <b>Ban điều hành</b>           |                                          |                  |
| Tạm ứng đầu tư dự án           |                                          | 23.367.680.000   |
| Hoàn tạm ứng                   |                                          | 28.450.000.000   |
| Ủy thác đầu tư góp vốn         |                                          | 60.000.000       |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

|                                                      | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Phải thu Hội đồng quản trị tiền tạm ứng đầu tư dự án | 103.317.162.629   | 56.307.162.629    |

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

|                       | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|------------------------------------------|------------------|
|                       | <u>Năm nay</u>                           | <u>Năm trước</u> |
| Tiền lương và phụ cấp | 1.674.480.000                            | 1.330.116.000    |

#### **Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan</u>                               | <u>Mối quan hệ</u>                                                                                               |
|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà       | Công ty liên kết                                                                                                 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng | Công ty liên kết                                                                                                 |
| Công ty cổ phần Hiway Việt Nam                     | Công ty có liên quan (Ông Lê Vĩnh Sơn – Chủ tịch HĐQT đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam) |

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

|                                                                         | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------|
|                                                                         | <u>Năm nay</u>                           | <u>Năm trước</u> |
| <b>Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam (Hiway)</b>                           |                                          |                  |
| Cho vay ngắn hạn                                                        |                                          | 4.159.646.922    |
| Lãi vay                                                                 | 291.097.484                              | 79.746.017       |
| Cho công ty Hiway thuê tài sản                                          | 27.500.000                               |                  |
| <b>Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (Năng lượng Sơn Hà)</b> |                                          |                  |
| Bán hàng hóa, thành phẩm                                                | 7.429.385.208                            | 69.978.567.048   |
| Cho Năng lượng Sơn Hà thuê tài sản                                      | 515.734.770                              | 515.734.770      |
| Thuê tài sản của Năng lượng Sơn Hà                                      | 65.100.000                               |                  |
| Mua nguyên vật liệu, hàng hóa                                           | 17.207.113.320                           | 26.744.644.845   |
| <b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng</b>               |                                          |                  |
| Lãi cho vay                                                             | 1.187.880.745                            | 1.298.749.999    |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

|                                                           | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|-----------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà</b>       |                       |                       |
| Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm                    | -                     | 6.409.179.305         |
| <b>Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam</b>                     |                       |                       |
| Cho vay ngắn hạn                                          | 5.912.046.922         | 5.912.046.922         |
| Lãi vay                                                   | 722.269.647           | 421.263.844           |
| Phải thu cho thuê tài sản                                 | 27.500.000            |                       |
| <b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng</b> |                       |                       |
| Cho vay ngắn hạn                                          | 20.084.144.900        | 20.084.144.900        |
| Lãi vay                                                   | 1.231.269.600         | -                     |
| <b>Cộng nợ phải thu</b>                                   | <b>27.977.231.069</b> | <b>32.826.634.971</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

##### *Lĩnh vực kinh doanh*

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất hàng công nghiệp.
- Lĩnh vực sản xuất hàng gia dụng.
- Lĩnh vực khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

|                                                                                     | <b>Lĩnh vực hàng<br/>gia dụng</b> | <b>Lĩnh vực hàng<br/>công nghiệp</b> | <b>Lĩnh vực khác</b>  | <b>Cộng</b>            |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| <b>Kỳ này</b>                                                                       |                                   |                                      |                       |                        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                        | 282.753.645.314                   | 581.045.262.743                      | 53.072.984.780        | 916.871.892.837        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận                    | -                                 | -                                    | -                     | -                      |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                         | <b>282.753.645.314</b>            | <b>581.045.262.743</b>               | <b>53.072.984.780</b> | <b>916.871.892.837</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận                                                     | 66.058.955.139                    | 32.678.238.026                       | 24.244.510.722        | 122.981.703.887        |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận                                              |                                   |                                      |                       | (74.548.191.659)       |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                                                   |                                   |                                      |                       | 48.433.512.228         |
| Doanh thu hoạt động tài chính                                                       |                                   |                                      |                       | 9.058.109.288          |
| Chi phí tài chính                                                                   |                                   |                                      |                       | (52.224.077.032)       |
| Thu nhập khác                                                                       |                                   |                                      |                       | 88.665.966             |
| Chi phí khác                                                                        |                                   |                                      |                       | (300.701.740)          |
| Lãi, lỗ trong công ty liên kết                                                      |                                   |                                      |                       | (9.384.636)            |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                        |                                   |                                      |                       | (2.218.013.646)        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                                         |                                   |                                      |                       | (18.914.251)           |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                     |                                   |                                      |                       | <b>2.809.196.177</b>   |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b> | <b>4.223.082.189</b>              | <b>8.376.857.332</b>                 | <b>5.210.419.758</b>  | <b>17.810.359.279</b>  |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                   | <b>4.741.619.924</b>              | <b>11.558.368.686</b>                | <b>10.914.124.296</b> | <b>27.214.112.906</b>  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

|                                                                                     | <b>Lĩnh vực hàng<br/>gia dụng</b> | <b>Lĩnh vực hàng<br/>công nghiệp</b> | <b>Lĩnh vực khác</b>  | <b>Cộng</b>              |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|-----------------------|--------------------------|
| <b>Kỳ trước</b>                                                                     |                                   |                                      |                       |                          |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                        | 709.416.253.721                   | 283.748.864.815                      | 11.161.763.236        | 1.004.326.881.772        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận                    | -                                 | -                                    | -                     | -                        |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                         | <b>709.416.253.721</b>            | <b>283.748.864.815</b>               | <b>11.161.763.236</b> | <b>1.004.326.881.772</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận                                                     | 81.131.244.201                    | 32.450.480.691                       | 1.276.497.027         | 114.858.221.919          |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận                                              |                                   |                                      |                       | (54.309.444.255)         |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                                                   |                                   |                                      |                       | 60.548.777.664           |
| Doanh thu hoạt động tài chính                                                       |                                   |                                      |                       | 4.237.117.325            |
| Chi phí tài chính                                                                   |                                   |                                      |                       | (62.747.427.134)         |
| Thu nhập khác                                                                       |                                   |                                      |                       | 422.699.037              |
| Chi phí khác                                                                        |                                   |                                      |                       | (245.167.639)            |
| Lãi, lỗ trong công ty liên kết                                                      |                                   |                                      |                       | (513.386.245)            |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                        |                                   |                                      |                       | (1.175.021.071)          |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                                         |                                   |                                      |                       | (253.140.277)            |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                     |                                   |                                      |                       | <b>274.451.660</b>       |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b> | <b>2.125.713.247</b>              | <b>638.595.240</b>                   | <b>21.777.836.942</b> | <b>24.542.145.429</b>    |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                   | <b>10.956.203.154</b>             | <b>6.590.147.241</b>                 | <b>2.246.472.207</b>  | <b>19.792.822.602</b>    |



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

|                                              | <b>Lĩnh vực hàng<br/>gia dụng</b> | <b>Lĩnh vực hàng<br/>công nghiệp</b> | <b>Lĩnh vực khác</b> | <b>Cộng</b>              |
|----------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|----------------------|--------------------------|
| <b>Số cuối kỳ</b>                            |                                   |                                      |                      |                          |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận                | 55.286.011.235                    | 233.071.216.279                      | 217.613.197.796      | 505.970.425.310          |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận                  | 362.201.577.910                   | 744.306.977.082                      | 67.985.397.006       | 1.174.493.951.998        |
| Các tài sản không phân bổ<br>theo bộ phận    |                                   |                                      |                      | (107.314.260.580)        |
| <b>Tổng tài sản</b>                          |                                   |                                      |                      | <b>1.573.150.116.728</b> |
| <b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ<br/>phận</b> | 972.781.349                       | 15.357.300.968                       | 174.110.610.900      | 190.440.693.217          |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ<br>phận           | 290.237.980.901                   | 596.425.215.608                      | 54.477.797.893       | 941.140.994.402          |
| Nợ phải trả không phân bổ<br>theo bộ phận    |                                   |                                      |                      | 11.537.386.441           |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                      |                                   |                                      |                      | <b>1.143.119.074.060</b> |
| <b>Số đầu năm</b>                            |                                   |                                      |                      |                          |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận                | 783.337.593.052                   | 223.693.933.401                      | 205.762.494.842      | 1.212.794.021.295        |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận                  | 142.417.689.689                   | 34.353.987.649                       | -                    | 176.771.677.338          |
| Các tài sản không phân bổ<br>theo bộ phận    |                                   |                                      |                      | 224.684.561.114          |
| <b>Tổng tài sản</b>                          |                                   |                                      |                      | <b>1.614.250.259.747</b> |
| <b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ<br/>phận</b> | 27.967.771.055                    | 6.155.054.632                        | 104.714.828.288      | 138.837.653.975          |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ<br>phận           | 201.346.857.133                   | 48.568.878.334                       | -                    | 249.915.735.467          |
| Nợ phải trả không phân bổ<br>theo bộ phận    |                                   |                                      |                      | 798.097.654.578          |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                      |                                   |                                      |                      | <b>1.186.851.044.020</b> |

#### **Khu vực địa lý**

Hoạt động của Tập đoàn được phân bổ theo thị trường trong nước và thị trường nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Tập đoàn như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

|                                                                                     | <b>Thị trường<br/>trong nước</b> | <b>Thị trường<br/>nước ngoài</b> | <b>Cộng</b>            |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|------------------------|
| <b>Kỳ này</b>                                                                       |                                  |                                  |                        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                        | 661.774.860.004                  | 255.097.032.833                  | 916.871.892.837        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận                    | -                                | -                                | -                      |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                         | <b>661.774.860.004</b>           | <b>255.097.032.833</b>           | <b>916.871.892.837</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận                                                     | 88.765.072.317                   | 34.216.631.570                   | 122.981.703.887        |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận                                              |                                  |                                  | (74.548.191.659)       |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                                                   |                                  |                                  | 48.433.512.228         |
| Doanh thu hoạt động tài chính                                                       |                                  |                                  | 9.058.109.288          |
| Chi phí tài chính                                                                   |                                  |                                  | (52.224.077.032)       |
| Thu nhập khác                                                                       |                                  |                                  | 88.665.966             |
| Chi phí khác                                                                        |                                  |                                  | (300.701.740)          |
| Lãi, lỗ trong công ty liên kết                                                      |                                  |                                  | (9.384.636)            |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                        |                                  |                                  | (2.218.013.646)        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                                         |                                  |                                  | (18.914.251)           |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                     |                                  |                                  | <b>2.809.196.177</b>   |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b> | <b>12.544.077.806</b>            | <b>4.835.416.426</b>             | <b>17.379.494.232</b>  |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                   | <b>19.081.392.518</b>            | <b>7.355.381.578</b>             | <b>26.436.774.096</b>  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

|                                                                                     | <b>Thị trường<br/>trong nước</b> | <b>Thị trường<br/>nước ngoài</b> | <b>Cộng</b>              |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|--------------------------|
| <b>Kỳ trước</b>                                                                     |                                  |                                  |                          |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                        | 837.174.628.258                  | 167.152.253.514                  | 1.004.326.881.772        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận                    | -                                | -                                | -                        |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                         | <b>837.174.628.258</b>           | <b>167.152.253.514</b>           | <b>1.004.326.881.772</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận                                                     | 95.742.124.385                   | 19.116.097.534                   | 114.858.221.919          |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận                                              |                                  |                                  | (54.309.444.255)         |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                                                   |                                  |                                  | 60.548.777.664           |
| Doanh thu hoạt động tài chính                                                       |                                  |                                  | 4.237.117.325            |
| Chi phí tài chính                                                                   |                                  |                                  | (62.747.427.134)         |
| Thu nhập khác                                                                       |                                  |                                  | 422.699.037              |
| Chi phí khác                                                                        |                                  |                                  | (245.167.639)            |
| Lãi, lỗ trong công ty liên kết                                                      |                                  |                                  | (513.386.245)            |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                        |                                  |                                  | (1.175.021.071)          |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                                         |                                  |                                  | (253.140.277)            |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                     |                                  |                                  | <b>274.451.660</b>       |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b> | <b>20.457.544.102</b>            | <b>4.084.601.327</b>             | <b>24.542.145.429</b>    |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                   | <b>16.498.661.148</b>            | <b>3.294.161.454</b>             | <b>19.792.822.602</b>    |

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Tập đoàn như sau:

|                                        | <b>Thị trường trong<br/>nước</b> | <b>Thị trường nước<br/>ngoài</b> | <b>Cộng</b>              |
|----------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|--------------------------|
| <b>Số cuối kỳ</b>                      |                                  |                                  |                          |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 217.845.695.195                  | 24.301.383.339                   | 242.147.078.534          |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận            | 847.719.923.286                  | 326.774.028.712                  | 1.174.493.951.998        |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                                  |                                  | 156.509.086.196          |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                                  |                                  | <b>1.573.150.116.728</b> |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | 98.565.566.543                   | 194.349.671.956                  | 292.915.238.499          |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận        | 605.328.155.757                  | 233.338.293.363                  | 838.666.449.120          |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                                  |                                  | 11.537.386.441           |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                                  |                                  | <b>1.143.119.074.060</b> |
| <b>Số đầu năm</b>                      |                                  |                                  |                          |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 309.325.423.015                  | 16.740.925.903                   | 326.066.348.918          |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận            | 922.389.267.197                  | 184.166.408.566                  | 1.106.555.675.763        |

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

|                                        | Thị trường trong nước | Thị trường nước ngoài | Cộng                     |
|----------------------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------|
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                       |                       | 181.628.235.066          |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                       |                       | <b>1.614.250.259.747</b> |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | 137.906.222.352       | 101.434.568.452       | 239.340.790.804          |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận        | 781.118.603.357       | 155.959.975.859       | 937.078.579.216          |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                       |                       | 10.431.674.000           |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                       |                       | <b>1.186.851.044.020</b> |

#### 4. Quản lý rủi ro tài chính

##### **Tổng quan**

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

##### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

##### **Phải thu khách hàng**

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### **Tiền gửi ngân hàng**

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

##### **Các khoản cho vay**

Tập đoàn cho các công ty liên kết và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

|                                                                                                                | Chưa quá hạn<br>hay chưa bị<br>giảm giá | Chưa quá hạn<br>nhưng bị giảm<br>giá | Đã quá<br>hạn<br>nhưng<br>không<br>giảm giá | Đã quá hạn<br>hoặc bị giảm<br>giá | Cộng                   |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| <b>Số cuối kỳ</b>                                                                                              |                                         |                                      |                                             |                                   |                        |
| Tiền và các khoản<br>tương đương tiền                                                                          | 36.672.613.494                          | -                                    | -                                           | -                                 | 36.672.613.494         |
| Tài sản tài chính được<br>ghi nhận theo giá trị<br>hợp lý thông qua Báo<br>cáo kết quả hoạt động<br>kinh doanh | -                                       | 17.309.352.941                       | -                                           | -                                 | 17.309.352.941         |
| Phải thu khách hàng                                                                                            | 223.445.720.676                         | -                                    | -                                           | 1.409.216.043                     | 224.854.936.719        |
| Các khoản cho vay                                                                                              | 47.727.461.422                          | -                                    | -                                           | -                                 | 47.727.461.422         |
| Các khoản phải thu<br>khác                                                                                     | 25.824.556.390                          | -                                    | -                                           | -                                 | 25.824.556.390         |
| Tài sản tài chính sẵn<br>sàng để bán                                                                           | 4.210.000.000                           | -                                    | -                                           | -                                 | 4.210.000.000          |
| <b>Cộng</b>                                                                                                    | <b>337.880.351.982</b>                  | <b>17.309.352.941</b>                | <b>-</b>                                    | <b>1.409.216.043</b>              | <b>356.598.920.966</b> |
| <b>Số đầu năm</b>                                                                                              |                                         |                                      |                                             |                                   |                        |
| Tiền và các khoản<br>tương đương tiền                                                                          | 131.787.822.045                         | -                                    | -                                           | -                                 | 131.787.822.045        |
| Tài sản tài chính được<br>ghi nhận theo giá trị<br>hợp lý thông qua Báo<br>cáo kết quả hoạt động<br>kinh doanh | -                                       | 23.111.352.941                       | -                                           | -                                 | 23.111.352.941         |
| Phải thu khách hàng                                                                                            | 306.952.389.000                         | -                                    | -                                           | 1.697.399.657                     | 308.649.788.657        |
| Các khoản cho vay                                                                                              | 25.996.191.822                          | -                                    | -                                           | -                                 | 25.996.191.822         |
| Các khoản phải thu<br>khác                                                                                     | 58.454.470.177                          | -                                    | -                                           | -                                 | 58.454.470.177         |
| Tài sản tài chính sẵn<br>sàng để bán                                                                           | 4.210.000.000                           | -                                    | -                                           | -                                 | 4.210.000.000          |
| <b>Cộng</b>                                                                                                    | <b>527.400.873.044</b>                  | <b>23.111.352.941</b>                | <b>-</b>                                    | <b>1.697.399.657</b>              | <b>552.209.625.642</b> |

#### ***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

|                         | <b>Từ 1 năm trở xuống</b> | <b>Trên 1 năm đến 5 năm</b> | <b>Trên 5 năm</b> | <b>Cộng</b>              |
|-------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------|--------------------------|
| <b>Số cuối kỳ</b>       |                           |                             |                   |                          |
| Vay và nợ               | 644.417.650.131           | 140.882.117.509             | -                 | 785.299.767.640          |
| Phải trả người bán      | 291.663.110.352           | 10.000.000                  | -                 | 291.673.110.352          |
| Các khoản phải trả khác | 3.432.719.869             | 11.537.386.441              | -                 | 14.970.106.310           |
| <b>Cộng</b>             | <b>939.513.480.352</b>    | <b>152.429.503.950</b>      | <b>-</b>          | <b>1.091.942.984.302</b> |
|                         |                           |                             |                   | -                        |
| <b>Số đầu năm</b>       |                           |                             |                   |                          |
| Vay và nợ               | 744.360.643.520           | 127.840.427.311             | -                 | 872.201.070.831          |
| Phải trả người bán      | 237.713.326.142           | 10.000.000                  | -                 | 237.723.326.142          |
| Các khoản phải trả khác | 9.685.241.145             | 10.431.674.000              | -                 | 20.116.915.145           |
| <b>Cộng</b>             | <b>991.759.210.807</b>    | <b>138.282.101.311</b>      | <b>-</b>          | <b>1.130.041.312.118</b> |

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán.

#### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ (USD) của Tập đoàn như sau:

|                                    | <b>Số cuối kỳ</b> | <b>Số đầu năm</b> |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 461.485,46        | 503.599,24        |
| Phải thu khách hàng                | 1.115.677,21      | 775.023,27        |
| Các khoản phải thu khác            | 428.754,12        | 533.198,24        |
| Vay và nợ                          | (8.173.006,21)    | (16.155.153,25)   |
| Phải trả người bán                 | (9.134.048,38)    | (4.785.561,59)    |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 6.123.853.530 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 3.146.073.784 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái kỳ này tăng so với kỳ trước do Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ tăng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

|                                    | <b>Số cuối kỳ</b>        |                       | <b>Số đầu năm</b>        |                        |
|------------------------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|------------------------|
|                                    | <b>VND</b>               | <b>USD</b>            | <b>VND</b>               | <b>USD</b>             |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 748.000.000              | -                     | 68.600.000.000           | -                      |
| Các khoản cho vay                  | 47.727.461.422           | -                     | 25.996.191.822           | -                      |
| Vay và nợ                          | (612.530.589.367)        | (8.173.006,21)        | (535.721.518.940)        | (16.155.153,25)        |
| <b>Nợ phải trả thuần</b>           | <b>(564.055.127.945)</b> | <b>(8.173.006,21)</b> | <b>(441.125.327.118)</b> | <b>(16.155.153,25)</b> |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 6.616.879.907 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 6.163.132.125 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất kỳ này không thay đổi nhiều so với kỳ trước.

#### *Tài sản đảm bảo*

*Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho các ngân hàng như sau:

|                                 | <b>Số cuối kỳ</b> | <b>Số đầu năm</b>     |
|---------------------------------|-------------------|-----------------------|
| Tiền gửi ngân hàng bị phong tỏa | -                 | 5.000.000.000         |
| Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn        | -                 | 23.111.352.941        |
| <b>Cộng</b>                     | <b>-</b>          | <b>28.111.352.941</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

##### *Tài sản tài chính*

|                                                                                                    | Giá trị ghi sổ         |                         |                        |                         | Giá trị hợp lý         |                        |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                                                                    | Số cuối kỳ             |                         | Số đầu năm             |                         | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|                                                                                                    | Giá gốc                | Dự phòng                | Giá gốc                | Dự phòng                |                        |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền                                                                 | 36.672.613.494         | -                       | 131.787.822.045        | -                       | 36.672.613.494         | 131.787.822.045        |
| Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 17.309.352.941         | (12.013.352.941)        | 23.111.352.941         | (12.881.052.941)        | 5.296.000.000          | 10.230.300.000         |
| Phải thu khách hàng                                                                                | 224.854.936.719        | (805.975.693)           | 308.649.788.657        | (916.459.349)           | 224.048.961.026        | 307.733.329.308        |
| Các khoản cho vay                                                                                  | 47.727.461.422         | -                       | 25.996.191.822         | -                       | 47.727.461.422         | 25.996.191.822         |
| Các khoản phải thu khác                                                                            | 25.824.556.390         | -                       | 58.454.470.177         | -                       | 25.824.556.390         | 58.454.470.177         |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán                                                                  | 4.210.000.000          | -                       | 4.210.000.000          | -                       | 4.210.000.000          | 4.210.000.000          |
| <b>Cộng</b>                                                                                        | <b>356.598.920.966</b> | <b>(12.819.328.634)</b> | <b>552.209.625.642</b> | <b>(13.797.512.290)</b> | <b>343.779.592.332</b> | <b>538.412.113.352</b> |

##### *Nợ phải trả tài chính*

|                         | Giá trị ghi sổ           |                          | Giá trị hợp lý         |                          |
|-------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
|                         | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               | Số cuối kỳ             | Số đầu năm               |
| Vay và nợ               | 785.299.767.640          | 872.201.050.831          | 644.417.650.131        | 744.360.643.520          |
| Phải trả người bán      | 291.673.110.352          | 237.723.326.142          | 291.673.110.352        | 237.723.326.142          |
| Các khoản phải trả khác | 14.970.106.310           | 20.116.915.145           | 14.970.106.310         | 20.116.915.145           |
| <b>Cộng</b>             | <b>1.091.942.984.302</b> | <b>1.130.041.292.118</b> | <b>951.060.866.793</b> | <b>1.002.200.884.807</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

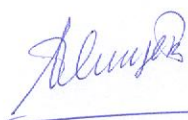
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Như Dung

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Hà